TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 – 9 – 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Minh Bền
Ông Võ Sĩ Hùng
- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Bích Như - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 632/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1970, số CCCD: 0960…..
Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Hữu T, sinh năm 1980, số CCCD: 0950….; địa chỉ: khóm T, Phường L, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn*: Bà Lâm Bé S, sinh năm 1970, số CCCD: 0961…..
Địa chỉ cư trú: Khóm B, Phường L, tỉnh Cà Mau.
(Tất cả xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Huỳnh Thanh P trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Ông và bà Lâm B Sáu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là Phường T, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/10/1994. Trong quá trình chung sống, khoảng 10 năm nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp được với nhau, vợ chồng không có sự thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Từ tháng 5 năm 2021 đến nay, mỗi người sống một nơi, vợ chồng có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vào năm 2022, ông đã xin ly hôn với bà S nhưng Tòa án tỉnh Cà Mau không chấp nhận cho ly hôn. Trong suốt thời gian từ đó đến nay, vợ chồng cũng không thể hàn gắn được. Hiện nay giữa ông và bà S không còn tình cảm, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông yêu cầu ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Huỳnh Thanh N, sinh ngày 22/4/1997. Hiện nay con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai của bà Lâm Bé S trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông P kết hôn với nhau ngày 21/4/1994, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là Ủy ban nhân dân Phường T, tỉnh Cà Mau. Theo yêu cầu ly hôn của ông P, bà cũng đồng ý ly hôn vì hiện nay vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên là Huỳnh Thanh N, sinh ngày 22/4/1997, hiện nay con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Tại Đơn yêu cầu đề ngày 29/8/2025 của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thể hiện:

Hiện nay bà Lâm Bé S đã đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Thanh P do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, xét thấy, ông Huỳnh Thanh P và bà Lâm Bé S kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/1994 tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố C, nay là Ủy ban nhân dân Phường T, tỉnh Cà Mau nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Ông P cho rằng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng đã lâu, hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà S cũng tự nguyện đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng hiện nay không thể hàn gắn được. Xét thấy, thực tế hôn nhân giữa ông P và bà S đã có mâu thuẫn trầm trọng, ông P và bà S thống nhất ly hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn.

[4] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Huỳnh Thanh N, sinh ngày 22/4/1997, hiện nay con đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông bà xác định tự thỏa thuận nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông bà xác định không có nên không đề cập xem xét.

[7] Ông P và bà S thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khỏn 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Thanh P và bà Lâm Bé S ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Thanh N, sinh ngày 22/4/1997, hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Không có

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình:

Ông P phải nộp 75.000đ. Ngày 07/8/2025, ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0011893 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ, ông P được nhận lại 225.000đ khi án có hiệu lực.

Bà S phải nộp 75.000đ, (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông P, bà S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- UBND Phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh